

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2023/DS-ST

Ngày 22-9-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Phạm Văn Lịch.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện M Hậu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2023/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 18, xã A, huyện M Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt)

Bị đơn: Bà Vũ Thị V, sinh năm 1945; địa chỉ: Xóm 1, xã M M, huyện M Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 9, xã A, huyện M Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp 1, xã Thanh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; (vắng mặt)

- Bà Vũ Thị E, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 10, xã M Bắc, huyện M Hậu, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

- Bà Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 48 Tu Nhân Đạo, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 98 Huỳnh Ngọc Đủ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Ái M, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 48 Tu Nhân Đạo, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Ái K, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 2, thôn Tiên Đào, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị Kim, sinh năm 1933; địa chỉ: Xóm 1, xã M M, huyện M Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt)

- Ông Phạm Văn Khôi, sinh năm 1945 và bà Nghiêm Thị Hường, sinh năm 1947; địa chỉ: Xóm 1, xã M M, huyện M Hậu, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-10-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà trình bày:

Bố mẹ đẻ bà Hà là bà Vũ Thị V và ông Nguyễn Văn Giáo, sinh năm 1928, chết năm 1974 (trong trích lục khai tử của ông Giáo ghi năm 1984 là không chính xác). Bà V và ông Giáo không đăng ký kết hôn và có sinh được 3 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị Hà, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thanh M. Ngoài ra, bà V có một người con riêng là bà Vũ Thị E. Ông Giáo có một người con riêng là Nguyễn Ái Việt, ông Việt đã chết năm 1994, có vợ là Huỳnh Thị Kim P; ông Việt và bà P có ba người con chung là: Nguyễn Ái M, Nguyễn Ái K và Nguyễn Thị L. Ngoài ra, ông Giáo không có con nuôi. Khi ông Giáo còn sống thì bà V và ông Giáo không thường xuyên chung sống cùng nhau, vì ông Giáo đi làm công nhân ở tỉnh Phú Thọ, thỉnh thoảng mới về thăm mẹ con bà V tại ngôi nhà của bà V (gần vị trí nhà đất hiện nay bà V đang ở nhưng sau đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Khôi, bà Hường). Năm 1974 ông Giáo chết không để lại di chúc, đến năm 1983, bà V đã mua thổ đất của ông bà Phạm Văn Kim cùng ở xóm 1, xã M M để vượt lập làm nhà ở (vị trí thửa đất tranh chấp hiện nay). Thửa đất bà V mua của ông bà Kim khoảng 140m², đến khoảng năm 1998 bà V đã chuyển nhượng cho hộ ông Tuyến một nửa thổ về phía Tây, còn lại một nửa thổ về phía Đông vào năm 1999 bà V đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 274, tờ bản đồ số 26, diện tích 70m² (ONT) mang tên hộ bà Vũ Thị V. Trên đất bà V có xây một nhà cấp bốn hai gian, hiện nay đã xuống cấp không còn giá trị.

Năm 2016, bà V có chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 của hộ bà V cho vợ chồng ông D, bà Hà với giá 500.000.000đ, vì là con cái trong nhà nên bà V không tính toán, vừa bán vừa cho. Giữa mẹ con trong gia đình không muốn thể hiện mẹ bán đất cho con nên năm 2016 bà V có lập bản thừa kế cho vợ

CH ông D, bà Hà sử dụng thửa đất trên của bà. Ngoài ra, ngày 28-02-2017, bà V còn lập đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ CH ông D, bà Hà, có các chị em trong gia đình gồm bà H, bà M, bà E ký chứng kiến và có xác nhận của cơ sở xóm 1, xã M M. Vợ CH ông D, bà Hà đã giao cho bà V nhận 500.000.000đ là tiền nhận chuyển nhượng đất, sau đó bà V có chia tiền cho 3 người con gái còn lại mỗi người 100.000.000đ và cho thêm con trai bà H 50.000.000đ, còn lại 150.000.000đ bà V gửi tiết kiệm. Tuy nhiên, đến năm 2022, vợ CH ông D, bà Hà có ý định làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 274 của hộ bà V thì bà H, bà M và bà E không nhất trí ký thủ tục sang tên nên cơ quan nhà nước có thẩm quyền không tiến hành thủ tục sang tên được. Tuy nhiên, ông D, bà Hà xác định thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M mang tên hộ bà V là tài sản riêng của bà V tạo dựng sau khi ông Giáo chết, khi bà V mua đất của ông bà Kim thì các con còn nhỏ không có đóng góp gì. Do đó, đến nay một mình bà V có quyền chuyển nhượng thửa đất số 274 cho vợ CH ông D, bà Hà, các đồng thừa kế khác của ông Giáo và bà E con riêng bà V không có quyền lợi liên quan.

Nay ông D, bà Hà đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V và vợ CH ông D, bà Hà lập bởi “đơn xin cho tặng quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017” là hợp pháp. Công nhận cho vợ CH ông D, bà Hà được quyền sử dụng 70m² đất (ONT) tại thửa số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Vũ Thị V. Đối với nhà cấp bốn của bà V đã xuống cấp hết giá trị nên ông D, bà Hà không đề nghị giải quyết. Về giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đến nay vợ CH ông D, bà Hà và bà V vẫn nhất trí với giá là 500.000.000đ, vợ CH ông D, bà Hà đã giao cho bà V nhận đủ. Về việc thỏa thuận tại đơn xin cho tặng quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017 có nội dung là vợ CH ông D, bà Hà được quyền sử dụng đất để ở và thờ cúng nhưng đến nay vợ CH ông D, bà Hà và bà V không đề nghị Tòa án công nhận đất để thờ cúng mà để tự các bên thỏa thuận với nhau.

Bị đơn bà Vũ Thị V có lời khai trong quá trình tố tụng trình bày: Bà công nhận các mối quan hệ trong gia đình bà như nguyên đơn ông D, bà Hà trình bày là đúng. Ban đầu bà có kê khai ông Nguyễn Văn Giáo CH bà sinh năm 1937, chết năm 1984 để khớp với giấy trích lục khai tử xã M M đã cấp nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà V đã xác nhận lại ông Giáo sinh năm 1928, đã chết năm 1974 là đúng sự thật có ghi trong ảnh bia mộ của ông Giáo bà đã cung cấp. Bà V nhất trí với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D, bà Hà. Bà xác định thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Vũ Thị V là tài sản riêng của bà, do một mình bà tạo dựng sau khi ông Giáo đã chết. Nguồn gốc thửa đất số 274 là do khoảng năm 1983 bà V nhận chuyển nhượng của vợ CH ông bà Kim với giá khoảng hơn 20.000đ, nguồn tiền là do bà V tự lao động giành giùm được để mua đất, ông Giáo đã chết 1974 và hai bên không có đăng ký kết hôn, ông Giáo không thường xuyên sinh sống cùng bà và không có đóng góp gì. Khi bà V mua đất của ông bà Kim thì thửa đất còn là một hũng sâu của lòng sông, bà PM vượt lập, hút cát bỏ ra nhiều công

sức mới có mặt bằng để làm nhà ở. Do đó, bà pM mua đất của ông bà Kim trước để xây nhà ở ổn định xong đến khoảng năm 1986 mới bán thổ đất cũ cho vợ chồng ông Khôi, bà Hương cũng chẳng được bao nhiêu để có tiền cho con gái là bà H đi học máy khâu.

Nay bà V nhất trí các yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Hà, đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông D, bà Hà đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M là hợp pháp, giá chuyển nhượng đất bà vẫn nhất trí 500.000.000đ, bà V xác nhận đã nhận đủ và không yêu cầu gì khác. Ngoài ra, bà V không đề nghị Tòa án công nhận đất chuyển nhượng cho ông D, bà Hà để thờ cúng mà để tự các bên thỏa thuận với nhau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H quá trình tố tụng trình bày: Bà công nhận các mối quan hệ trong gia đình bà như nguyên đơn ông D, bà Hà trình bày là đúng. Ông Nguyễn Văn Giáo bố bà H sinh năm 1928 và chết năm 1974 đúng như trong ảnh bia mộ ông Giáo do bà H đã cung cấp. Bà H công nhận là bà V đã mua đất của ông bà Kim vào khoảng năm 1983 sau khi ông Giáo chết (năm 1974) là đúng sự thật nhưng bà H cho rằng do bà V bán nhà đất cũ của bà V và ông Giáo đi để lấy tiền mua đất của ông bà Kim nên nguồn gốc tài sản thửa đất số 274, tờ số 26 của hộ bà V hiện nay đang tranh chấp vẫn là tài sản chung của bà V, ông Giáo, không pM của riêng bà V. Do đó, bà H xác định bà vẫn có quyền lợi đối với tài sản thửa đất số 274, tờ số 26 của hộ bà V. Về việc ông D, bà Hà giao tiền đất cho bà V thì bà H chỉ biết có giao cho bà V 350.000.000đ, bà V đã cho bà H, bà M, bà E mỗi người 100.000.000đ, cho con trai bà H 50.000.000đ, còn lại 150.000.000đ ông D, bà Hà có giao cho bà V nhận nữa không thì bà H không được biết.

Nay ông D, bà Hà đề nghị Tòa án công nhận cho ông D, bà Hà được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 274, tờ số 26 của hộ bà V thì bà H không nhất trí. Bà H chỉ nhất trí chuyển nhượng cho ông D, bà Hà một nửa thửa đất số 274, không nhất trí chuyển nhượng cả thửa, vì một nửa thổ đất còn lại chỉ để thờ cúng. Bà H công nhận ngày 28-02-2017, bà V đã lập đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất cho ông D, bà Hà đối với thửa đất số 274, tờ số 26 của hộ bà V, bản chính đơn này ông D đã nộp cho Tòa là đúng. Tuy nhiên, phía cuối đơn tặng cho có ghi nội dung ông D, bà Hà được quyền sử dụng thửa đất số 274 chỉ để ở và thờ cúng ông bà hết đời này sang đời khác, kể cả làm nhà kiên cố nhưng không được bán, nếu sau này người thừa kế không có nhu cầu sử dụng muốn bán đi thì chỉ được hưởng một nửa giá trị của phần nhà đất nói trên. Do đó, nếu để ông D, bà Hà được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 274 của hộ bà V thì ông bà có thể bán đi cả thửa thì sẽ không có chỗ thờ cúng bố mẹ hoặc cũng không ràng buộc việc ông D, bà Hà chỉ được hưởng một nửa giá trị đất, còn một nửa pM để của chung các chị em. Sau khi gia đình có hợp và bà V thống nhất lập đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017 cho ông D, bà Hà một nửa thửa đất số 274, còn một nửa thửa kể để thờ cúng thì bà H, bà E có yêu cầu ông D, bà Hà pM đến Ủy ban xã sao cho các bà giữ

bản có dấu đỏ để làm bằng chứng nhưng do ông D, bà Hà không thực hiện chứ không pM các chị em còn lại không nhất trí ký thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông D, bà Hà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị E quá trình tố tụng trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời khai và ý kiến của bà H ở trên. Bà E công nhận bà là con riêng của bà V. Ông Giáo chết năm 1974, đến năm 1978 bà V chung sống với bố đẻ của bà E là người xã A (không có đăng ký kết hôn) và sinh được một mình bà E. Thực tế bà E sinh năm 1978 và họ tên Nguyễn Thị E nhưng đến năm 1994 bà V đã đi làm lại sổ hộ khẩu gia đình thì đã khai lại là Vũ Thị E, sinh năm 1980 (theo họ bà V) nên hiện nay các giấy tờ tùy thân của bà E đều là Vũ Thị E, sinh năm 1980. Bà E không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn của ông D, bà Hà mà chỉ nhất trí công nhận cho ông D, bà Hà được quyền sử dụng một nửa thổ đất số 274 của hộ bà V, còn một nửa thổ để lại làm nơi thờ cúng ông bà hết đời này sang đời khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh M tại đơn xin trình bày đề ngày 09-01-2023, biên bản lấy lời khai ngày 13-6-2023 trình bày: Bà M là con gái thứ ba của bà Vũ Thị V và ông Nguyễn Văn Giáo. Bà công nhận các mối quan hệ trong gia đình bà như nguyên đơn ông D, bà Hà trình bày và thông tin gia đình ghi trên ảnh bia mộ của ông Giáo là đúng. Trong đơn khởi kiện của ông D, bà Hà trình bày không đúng sự thật, bởi vì trước đó gia đình đã thỏa thuận với ông D, bà Hà là nếu mua đất của hộ bà V thì chỉ được sử dụng mảnh đất đó từ đời này qua đời khác, không được bán vì đất này để thờ cúng. Trước khi gia đình chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D, bà Hà thì ông D, bà Hà pM viết cho chị em bà M giấy cam kết là sẽ không bán nhà đất này. Nhưng cho tới hiện tại chị em bà M vẫn chưa nhận được giấy cam kết nào của ông D, bà Hà nên bà M không đồng ý đưa giấy tờ để làm thủ tục sang tên theo yêu cầu của ông D, bà Hà. Bà M cho rằng thửa đất số 274 của hộ bà V là tài sản mà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình nên pM là tài sản chung của gia đình bà V chứ không pM là tài sản riêng của một mình bà V. Nay ông D, bà Hà khởi kiện tự khẳng định mảnh đất trên là của mình và tước quyền làm con cũng như quyền thừa kế của chị em bà M nên bà M không đồng ý sang tên đất cho bất kỳ ai. Nhà đất của hộ bà V thì bà V sẽ ở khi còn sống, bà V chết thì để làm nơi thờ cúng, nơi đi về của con cháu trong gia đình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim P tại biên bản làm việc ngày 09-8-2023 trình bày: Bà công nhận bà V là vợ ông Nguyễn Văn Giáo, ngoài những người con chung với bà V thì ông Giáo có một người con riêng Nguyễn Ái Việt là cH bà P (đã chết năm 1994). Bà P công nhận những thông tin ghi trên bia mộ ông Giáo - ảnh bia mộ do bà V cung cấp và lời khai của bà V về các mối quan hệ gia đình giữa bà V, ông Giáo là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Hà thì bà P xác định bà và ba người con của bà (gồm chị L, anh M, anh K) không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản tranh chấp nên bà và

các con từ chối và không tham gia tố tụng, không có ý kiến đề nghị gì về quyền lợi của mình, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà P đề nghị xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử. Vì bà P xác định bà và các con không liên quan đến tài sản tranh chấp trong vụ án nên bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và cũng xin từ chối nhận các văn bản tố tụng do Tòa án huyện M Hậu gửi cho bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02-6-2023 trình bày: Chị công nhận bà V là vợ ông Nguyễn Văn Giáo, ông Giáo là ông nội của chị, công nhận những thông tin ghi trên bia mộ ông Giáo - ảnh bia mộ do bà V cung cấp và lời khai của bà V về các mối quan hệ gia đình giữa bà V, ông Giáo là đúng. Về yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Hà đối với bà Vũ Thị V thì chị L không rõ nội dung tranh chấp giữa các bên nên không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong tất cả các lần triệu tập.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Ái M và anh Nguyễn Ái K quá trình tố tụng Tòa án huyện M Hậu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M, anh K nhận. Như vậy anh M, anh K đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định nhưng không trực tiếp có ý kiến lời khai trình bày với Tòa án về nội dung liên quan mà thông qua bà P (mẹ đẻ của anh M, anh K) có ý kiến trình bày đại diện thay cho các con (bà P đã khai ở trên).

Người làm chứng bà Phạm Thị Kim tại biên bản lấy lời khai ngày 01-3-2023 trình bày: Bà Kim là người cùng xóm, không có anh em họ hàng gì với bà Vũ Thị V. Bà Kim xác nhận khoảng năm 1983 – 1984, vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho bà V một phần đất tại xóm 1, xã M M (vị trí đất hiện đang tranh chấp trong vụ án). Nguồn gốc đất trên là vợ chồng bà Kim được xã M M đền bù do xã xẻ sông thủy lợi vào thổ của ông bà Kim. Khi xã M M đền bù đất cho vợ chồng bà Kim thì phần đất được đền bù là một hũng sâu của lòng sông, diện tích đền bù được bao nhiêu thì bà Kim không nhớ. Sau đó ông bà Kim có bán đất đền bù cho một số hộ dân khác nữa, trong đó có bán một phần đất cho bà V. Sau khi bà V mua đất của ông bà Kim thì bà V còn thuê tự vượt lập thổ lên cao để làm nhà ở. Thời điểm bà V mua đất của ông bà Kim thì bà Kim chỉ thấy có một mình bà V mua đất, từ trước đến nay bà V sống một mình nuôi các con nên bà Kim không biết chồng bà V là ai.

Người làm chứng ông Phạm Văn Khôi, bà Nghiêm Thị Hường tại biên bản lấy lời khai ngày 27-4-2023 trình bày: Ông bà là người cùng xóm, không có anh em họ hàng gì với bà Vũ Thị V. Khoảng năm 1986 – 1987 vợ chồng ông Khôi, bà Hường có mua của bà Vũ Thị V một thửa đất tại xóm 1, xã M M (thửa đất cũ của bà V ở trước đây). Vì lúc đó ông Khôi, bà Hường cũng có thửa đất giáp cạnh đất của bà V nên mua thêm đất của bà V để sử dụng cho tiện. Khi bà V bán đất cho ông Khôi, bà Hường thì chỉ có một mình bà V đứng lên bán, không có chồng bà V cùng bán. Ông Khôi, bà Hường cũng không biết chồng bà V là ai. Ông Khôi, bà Hường thấy bà V đi mua đất của vợ chồng ông bà Kim được mấy năm làm nhà ở trên đất mới, sau đó mới bán đất cũ cho ông Khôi, bà Hường. Giá mua đất của bà V chỉ

khoảng hơn một chỉ vàng, diện tích đất bao nhiêu thì ông Khôi, bà Hường không nhớ. Mục đích bà V bán đất cho ông Khôi, bà Hường thì bà V có nói là do đã có nơi ở mới (đất bà V mua của ông bà Kim), đất cũ để không làm gì nên bà bán đi lấy tiền cho con gái là chị H học nghề máy khâu.

Tại biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 01-3-2023 đối với ông Phạm M Lý – xóm trưởng xóm 1 xã M M cung cấp: Ông Lý làm chức vụ trưởng xóm 1 xã M M từ năm 2004 đến nay. Ông không biết cH bà V là ông Nguyễn Văn Giáo hay là ai. Vì từ trước đến nay ông Lý không thấy ông Giáo về quê sống cùng bà V bao giờ. Từ khi các con bà V còn nhỏ thì ông Lý chỉ thấy có một mình bà V sống cùng các con, không có ông Giáo ở cùng.

Tại biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 27-4-2023 đối với ông Hoàng Văn Hiến – Phó Bí thư Đảng ủy xã M M cung cấp: Năm 2017, ông Hiến giữ chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M M, ngày 06-3-2017, ông Hiến có ký bản sao trích lục khai tử của ông Nguyễn Văn Giáo (cH bà Vũ Thị V). Tuy nhiên, trích lục khai tử trên của ông Giáo là do gia đình bà V đến Ủy ban xã M M đề nghị xin cấp và tự kê khai ông Nguyễn Văn Giáo sinh năm 1937, chết ngày 24-7-1984. Do ông Giáo không pM là người địa phương, chết ở nơi khác nên thông tin ông Nguyễn Văn Giáo chết không được lưu trong sổ sách của Ủy ban xã M M. Mặt khác, sổ quản lý khai tử của xã M M từ năm 1984 trở về trước không còn lưu.

Tại phiên tòa: Các đương sự ông D, bà Hà, bà V, bà H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M Hậu phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, các đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 117, 119, 129, 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167; Điều 168 Luật Đất đai năm 2013. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà. Xác định quyền sử dụng thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M mang tên hộ bà Vũ Thị V là tài sản riêng hợp pháp của bà V, do một mình bà V tạo dựng sau khi ông Giáo chết, các con của bà V không có đóng góp nên bà V được quyền chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho vợ cH ông D, bà Hà mà không liên quan đến các đồng thừa kế khác của ông Giáo và bà E (con riêng của bà V). Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện bởi “đơn xin cho tặng quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017” giữa bên chuyển nhượng bà V và bên nhận chuyển nhượng ông D, bà Hà là có hiệu lực, do đến nay các bên thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng thực tế và vẫn nhất trí chuyển nhượng cho nhau nên ghi nhận. Công nhận cho vợ cH ông D, bà Hà được quyền sử dụng diện tích 70m² đất (ONT) tại thửa số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M mang tên hộ bà Vũ Thị V. Về giá chuyển nhượng, đến nay bà V và

vợ chồng ông D, bà Hà không có tranh chấp về giá chuyển nhượng, vẫn thống nhất như giá đã thỏa thuận khi chuyển nhượng là 500.000.000đ, bà V đã nhận đủ tiền chuyển nhượng nên không xem xét giải quyết về giá chuyển nhượng.

Các vấn đề khác và về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim P, chị Nguyễn Thị L vắng mặt đã có đề nghị xin vắng mặt. Bà Vũ Thị E vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và bà Nguyễn Thị Thanh M, anh Nguyễn Ái M, anh Nguyễn Ái K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Người làm chứng bà Phạm Thị Kim, ông Phạm Văn Khôi, bà Nghiêm Thị Hương vắng mặt đã có đề nghị xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng những người trên là phù hợp với quy định tại các Điều 227; 228 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà khởi kiện bà Vũ Thị V về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất có địa chỉ tại xóm 1, xã M M, huyện M Hậu, tỉnh Nam Định nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M Hậu theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị V và ông Nguyễn Văn Giáo; xác định năm sinh, năm chết của ông Nguyễn Văn Giáo:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà H, bà E, bà M, bà P, chị L đều thống nhất thừa nhận bà V có chồng là ông Nguyễn Văn Giáo. Tuy bà V, ông Giáo không có đăng ký kết hôn nhưng bà V xác nhận thời điểm hai người chung sống với nhau là từ năm 1966 (trước ngày 03 tháng 01 năm 1987) nên đây là quan hệ hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận là vợ chồng theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội. Về năm sinh, năm chết của ông Giáo, theo trích lục khai tử của Ủy ban nhân dân xã M M cung cấp ngày 06-3-2017 thể hiện ông Nguyễn Văn Giáo sinh năm 1937, chết ngày 24-7-1984. Tuy nhiên, ông Hoàng Văn Hiến - người ký trích lục khai tử đã xác nhận thông tin năm sinh, năm chết như trên của ông Giáo là do gia đình bà V tự kê khai, xã không lưu sổ sách khai tử của ông Giáo. Do đó, trích lục khai tử của ông Nguyễn Văn Giáo ngày 06-3-2017 do Ủy ban nhân dân xã M M cấp là không có cơ sở pháp lý. Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án đều thừa nhận ông Giáo sinh năm 1928, chết năm 1974

thể hiện đúng như trong ảnh bia mộ của ông Giáo do bà V và bà H cung cấp. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không pM chứng M theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định ông Giáo (cH bà V) sinh năm 1928, chết năm 1974 là đúng sự thật.

[4] Về việc xác định quyền sử dụng thừa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M mang tên hộ bà Vũ Thị V thuộc tài sản riêng của bà Vũ Thị V:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự gồm: Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan bà H, bà E, bà M đều công nhận về nguồn gốc thừa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M mang tên hộ bà Vũ Thị V do bà V nhận chuyển nhượng của vợ cH ông bà Phạm Văn Kim ở xóm 1, xã M M vào khoảng năm 1983. Người làm chứng bà Phạm Thị Kim có lời khai thống nhất với các đương sự ở trên là vợ cH bà đã chuyển nhượng cho bà Vũ Thị V một phần đất (vị trí đất hiện nay đang có tranh chấp) vào khoảng năm 1983, phần đất này do xã M M xê sông nên đền bù cho ông bà, khi chuyển nhượng cho bà V thì phần đất mới chỉ là một hũng sâu của lòng sông, bà V nhận chuyển nhượng xong thì còn pM vượt lập, san lấp cao lên để làm nhà ở.

Ông Giáo cH bà V đã chết năm 1974, đến năm 1983 bà V mới nhận chuyển nhượng đất của vợ cH ông bà Kim nên xác định thừa đất số 274 của hộ bà V do một mình bà V nhận chuyển nhượng sau khi ông Giáo đã chết. Bà H, bà E có ý kiến mặc dù bà V nhận chuyển nhượng đất của ông bà Kim sau khi ông Giáo chết nhưng nguồn tiền bà V mua đất của ông bà Kim là do bà V đã bán nhà đất cũ của bà V, ông Giáo cho vợ cH ông bà Khôi mà có nên quyền sử dụng thừa đất số 274 của hộ bà V không pM của riêng bà V mà vẫn là tài sản chung của bà V, ông Giáo. Nhưng bà H, bà E không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng M cho lời khai trên của mình là có căn cứ.

Bà V xác định nguồn tiền bà mua đất của ông bà Kim là do một mình bà làm ra, khoảng năm 1983 bà mua đất của ông bà Kim vượt lập lên thành thổ để xây nhà ở ổn định sau đó đến năm 1986 bà V mới bán đất cũ cho ông Khôi, bà Hương để lấy tiền cho bà H học máy khâu nên việc bà mua được đất của ông bà Kim là trước khi bán đất cũ. Người làm chứng ông Khôi, bà Hương là người mua nhà đất cũ của bà V có lời khai phù hợp với lời khai của bà V về thời điểm ông bà mua đất cũ của bà V là khoảng 1986 - sau khi bà V đã mua được đất mới của ông bà Kim. Do đó, ý kiến của bà H, bà E cho rằng nguồn tiền bà V mua đất của ông bà Kim là do bà V đã bán nhà đất cũ của bà V, ông Giáo cho vợ cH ông bà Khôi mà có là không có cơ sở chấp nhận.

Bà M cho rằng thừa đất số 274 của hộ bà V là tài sản mà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình nên pM là tài sản chung của gia đình bà V chứ không pM là tài sản riêng của một mình bà V. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà V và các con gái của bà đều xác nhận khi bà nhận chuyển nhượng phần đất của ông bà Kim thì các con còn nhỏ không có đóng góp gì. Do đó, ý kiến trên của bà M không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, xác định quyền sử dụng thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M mang tên hộ bà Vũ Thị V là tài sản riêng hợp pháp của bà V, do một mình bà V tạo dựng nhận chuyển nhượng của ông bà Phạm Văn Kim, các con của bà không có đóng góp là sự việc có thật nên không pM tài sản của hộ gia đình, không pM tài sản chung của bà V, ông Giáo.

[5] Về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông D, bà Hà:

[5.1] Theo lời trình bày thống nhất của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, bà E, bà M thì ngày 28-02-2017, bà V đã lập đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 của hộ bà V cho vợ chồng ông D, bà Hà, bản chính đơn này ông D đã nộp cho Tòa án là đúng. Tuy nhiên, đến nay bà H, bà E, bà M không nhất trí chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 274, tờ số 26 của hộ bà V cho vợ chồng ông D, bà Hà. Ý kiến bà H, bà E chỉ nhất trí chuyển nhượng cho ông D, bà Hà một nửa thửa đất, còn lại một nửa thửa đất để làm nơi thờ cúng chung; bà M cho rằng thửa đất của hộ bà V là tài sản của cả hộ gia đình, bà V sẽ ở khi còn sống, bà V chết thì để làm nơi thờ cúng chung nên bà M không đồng ý sang tên đất của hộ bà V cho bất kỳ ai.

Tuy nhiên, quyền sử dụng thửa đất số 274 của hộ bà V được xác định là tài sản riêng của bà V nên các đồng thừa kế khác của ông Giáo và bà E (con riêng bà V) không có quyền lợi liên quan đến tài sản riêng của bà V. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà V vẫn nhất trí chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 274 cho ông D, bà Hà. Do đó, bà H, bà E, bà M không nhất trí chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 274 của hộ bà V cho ông D, bà Hà là không có cơ sở để chấp nhận.

[5.2] Về hình thức, nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập giữa bà V và vợ chồng ông D, bà Hà thể hiện bởi “đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017” do ông D nộp bản chính. Tuy tên hợp đồng có ghi “đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất” nhưng hai bên đều xác nhận ông D, bà Hà đã thanh toán tiền đất cho bà V nhận là 500.000.000đ nên thực tế đây là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng chuyển nhượng đã được lập thành văn bản viết tay, có đối tượng chuyển nhượng là quyền sử dụng đất nhưng hợp đồng chưa được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực nên đã vi phạm hình thức của hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng, các bên đều xác định tham gia ký kết tự nguyện, đúng ý chí nguyện vọng của mình, nội dung của hợp đồng chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Về nội dung của hợp đồng, đất chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tên hộ bà Vũ Thị V) nên được quyền chuyển nhượng theo quy định tại Điều 168 Luật Đất đai năm 2013. Thực hiện hợp đồng, bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán đủ tiền cho bên chuyển nhượng số tiền 500.000.000đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ

luật dân sự năm 2015: “2. *Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không pM thực hiện việc công chứng, chứng thực*”. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V và vợ cH ông D, bà Hà lập bởi “đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017” là có cơ sở công nhận hiệu lực của hợp đồng.

[5.3] Về tài sản chuyển nhượng và giá trị chuyển nhượng:

Quá trình giải quyết vụ án, bà V và vợ cH ông D, bà Hà đều xác định tài sản bà V chuyển nhượng cho vợ cH ông D, bà Hà là quyền sử dụng thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M của hộ bà V có diện tích là 70m². Về các công trình trên đất của bà V đã hết giá trị khấu hao, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết các công trình trên đất. Do đó, xác định tài sản ông D, bà Hà nhận chuyển nhượng từ bà V là quyền sử dụng thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M của hộ bà V có diện tích là 70m². Theo số liệu đo hiện trạng thửa đất số 274 của hộ bà V có diện tích là 70m². Như vậy hiện trạng thửa đất trên là đủ đất so với giấy chứng nhận được nhà nước cấp.

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017, các bên không ghi giá chuyển nhượng tài sản, tuy nhiên, ông D có xuất trình một giấy bản chính có đề “bản thừa kế” do bà V tự lập năm 2016 có nội dung “anh chị Bùi Đức D cho mẹ số tiền 500.000.000đ”. Bà V xác nhận “bản thừa kế” trên là đúng do bà viết, giữa mẹ con trong gia đình không muốn thể hiện mẹ bán đất cho con nên năm 2016 bà V có lập bản thừa kế trên cho vợ cH ông D, bà Hà sử dụng thửa đất số 274 của bà. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông D, bà Hà và bà V vẫn nhất trí giá chuyển nhượng tài sản như đã thỏa thuận tại thời điểm chuyển nhượng là 500.000.000đ và xác nhận ông D, bà Hà đã thanh toán cho bà V nhận đủ số tiền trên.

Theo hội đồng định giá tài sản xác định giá chuyển nhượng thực tế quanh khu vực thời điểm hiện tại đối với thửa đất số 274, diện tích 70m² của hộ bà V có giá là 1.400.000.000đ (20.000.000đ/1m²). Tuy nhiên, đến nay bà V và ông D, bà Hà không có tranh chấp về giá trị chuyển nhượng, vẫn nhất trí giá 500.000.000đ như đã thỏa thuận và đã thanh toán xong nên về giá trị chuyển nhượng tài sản Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập bởi “đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017” giữa bên chuyển nhượng bà Vũ Thị V và bên nhận chuyển nhượng vợ cH ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà là có hiệu lực pháp luật. Công nhận cho ông D,

bà Hà được quyền sử dụng thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M của hộ bà Vũ Thị V có diện tích 70m² đất (ONT).

[6] Về vấn đề khác:

Đối với thỏa thuận tại đơn xin cho tặng quyền sử dụng đất ngày 28-02-2017 có nội dung: Vợ chồng ông D, bà Hà được quyền sử dụng thửa đất số 274 của hộ bà V chỉ để ở và thờ cúng ông bà hết đời này sang đời khác, kể cả làm nhà kiên cố nhưng không được bán nhưng đến nay vợ chồng ông D, bà Hà và bà V đều không đề nghị Tòa án công nhận nội dung đất chuyển nhượng để thờ cúng mà để tự các bên thỏa thuận với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nội dung đất thờ cúng.

[7] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Văn D đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, xác nhận ông D đã nộp đủ và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị đơn bà Vũ Thị V thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 129, 500, 501, 502 và 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167; Điều 168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 227, 228 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng bà Vũ Thị V và bên nhận chuyển nhượng ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà là hợp pháp.

2. Xác định quyền sử dụng 70m² đất (ONT) thuộc thửa số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M đã được Ủy ban nhân dân huyện M Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri Q554240 ngày 14-12- 1999, mang tên hộ bà Vũ Thị V là tài sản riêng hợp pháp của bà Vũ Thị V.

3. Công nhận cho ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà được quyền sử dụng diện tích 70m² đất (ONT) thuộc thửa số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M đã được Ủy ban nhân dân huyện M Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri Q554240 ngày 14-12- 1999, mang tên hộ bà Vũ Thị V. Thửa đất có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp thửa số 273 của bà Cáp 5,7m; cạnh phía Nam

giáp đường trục xã 5,4m; cạnh phía Tây giáp thửa số 275 của ông Tuyền 13,4m; cạnh phía Đông giáp ngõ đi chung 12,2m (có sơ đồ vẽ kèm theo).

Nghĩa vụ bàn giao: Hiện nay bà Vũ Thị V đang quản lý sử dụng thửa đất số 274, tờ bản đồ số 26 xã M M nên bà V có nghĩa vụ bàn giao thửa đất trên cho ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà sử dụng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị Hà có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Miễn án phí cho bà Vũ Thị V do thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Hoàn lại cho ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị Hà số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ (một triệu đồng) tại biên lai số 0006436 ngày 22-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện M Hậu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người pM thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng Lưu Văn Đê

Nguyễn Thị Hằng

